TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Bản án số: 25/2018/HNGĐ-ST Ngày 06-3-2018 V/v tranh chấp về ly hôn	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lương Ngọc Dũng

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Trần Đăng Khoa

Ông Nguyễn Kim San

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Mai, Thẩm tra viên Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng.

Ngày 06 tháng 3 năm 2018 tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 18/2018/TLST-HNGĐ ngày 01 tháng 02 năm 2018 về tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 395/2017/QĐXXST-HNGĐ ngày 26 tháng 02 năm 2018 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Anh Cho J; nơi cư trú: Hàn Quốc; tạm trú tại: xã A, huyện B, thành phố Hải Phòng. Vắng mặt có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

- *Bị đơn:* Ngô Thị Hồng N; nơi cư trú: xã H, huyện T, thành phố Hải Phòng. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn ly hôn, bản tự khai nguyên đơn anh Cho J trình bày:

Anh và chị Ngô Thị Hồng N tự nguyện kết hôn với nhau có đăng ký kết hôn tại Hàn Quốc và có ghi chú tại UBND huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng ngày 29 tháng 9 năm 2017. Sau khi kết hôn vợ chồng đã phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân chị N vẫn còn tình cảm với bạn trai cũ, không có tình cảm yêu thương anh nên không muốn chung sống với anh. Từ khi kết hôn đến nay, chị N không về sống chung với anh Cho J. Nay anh xét thấy tình cảm vợ chồng không có, anh Cho J đề nghị được ly hôn với chị Ngô Thị Hồng N. Con chung và tài sản chung không có, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai và tại phiên tòa chị Ngô Thị Hồng N trình bày thống nhất với anh Cho J về quá trình kết hôn, lý do xin ly hôn, con chung và tài sản chung. Do

chị và anh Cho J không có thời gian tìm hiểu nhau nên vợ chồng không hiểu nhau, chị N không có tình cảm với anh Cho J nên chị không muốn chung sống với anh Cho J. Chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Cho J.

Do anh Cho J và chị Ngô Thị Hồng N đề nghị Tòa án không tiến hành hòa giải nên theo quy định tại khoản 4 Điều 207 Bộ luật Tố tụng dân sự vụ án không tiến hành hòa giải được.

Tại phiên tòa nguyên đơn anh Cho J vắng mặt có đơn đề nghị Tòa án xét xử, bị đơn chị N có mặt đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Cho J.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào lời trình bày của bị đơn tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: anh Cho J và chị Ngô Thị Hồng N kết hôn tự nguyện có đăng ký kết hôn tại cơ quan có thẩm quyền của Hàn Quốc và có ghi chú kết hôn tại UBND huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng theo quy định tại Điều 8, Điều 9 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Anh Cho J có đơn đề nghị Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng giải quyết việc ly hôn, anh Cho J hiện đang cư trú ở nước ngoài nên theo khoản 1 Điều 28, khoản 3 Điều 35 của Bộ luật Tố tụng dân sự vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng.

[2]. Về sự vắng mặt của đương sự: Anh Cho J vắng mặt nhưng có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Căn cứ khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt anh Cho J.

[3]. Về quan hệ hôn nhân: Sau khi kết hôn, anh Cho J và chị N đã sống ly thân mỗi người ở một nơi, nguyên nhân chủ yếu do anh Cho J và chị N trước khi kết hôn không có thời gian tìm hiểu nhau nên hai vợ chồng không có tình cảm, chị N không muốn chung sống với anh Cho J. Xét thấy tình cảm vợ chồng không có, không có khả năng đoàn tụ, mâu thuẫn đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, nay anh Cho J và chị N xác định tình cảm vợ chồng không còn, đề nghị Tòa án giải quyết cho ly hôn là chính đáng. Vì vậy, cần áp dụng Điều 51, Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 chấp nhận yêu cầu khởi kiện ly hôn của anh Cho J.

[4]. Về con chung: Anh Cho J và chị N không có con chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5]. Về tài sản chung: Anh Cho J và chị N không có tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6]. Về án phí dân sự sơ thẩm: Anh Cho J là nguyên đơn nên phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[7]. Về quyền kháng cáo đối với bản án: Anh Cho J và chị Ngô Thị Hồng N được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 51; Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ khoản 3 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 37; khoản 4 Điều 147; khoản 2 Điều 227; Điều 273; điểm d khoản 1 Điều 469; khoản 2 Điều 479 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Căn cứ khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Cho J.

1. Về quan hệ hôn nhân: Anh Cho J được ly hôn chị Ngô Thị Hồng N.

2. Về án phí: Anh Cho J phải nộp 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền 300.000 (ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp theo Biên lai thu số 0010599 ngày 01 tháng 02 năm 2018 tại Cục Thi hành án dân sự thành phố Hải Phòng. Anh Cho J đã nộp đủ tiền án phí ly hôn sơ thẩm.

3. Về quyền kháng cáo:

- Chị Ngô Thị Hồng N được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

- Anh Cho J được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 01 tháng kể từ ngày nhận được bản án hợp lệ.

Nơi nhận:
- VKSND TP Hải Phòng;
- THADS TP Hải Phòng;
- UBND H. Thủy Nguyên;
- Đương sự;
- Lưu: Hồ sơ, HCTP.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lương Ngọc Dũng